

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



TRẦN TUẤN ANH

**MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI
VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY**

Ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 9.22.90.02

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHỦ NGHĨA DUY VẬT
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2025

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học:
TS. NGUYỄN TRỌNG NGHĨA
TS. NGUYỄN ANH QUỐC

Người phản biện độc lập 1:.....
2:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn, Khoa Triết học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh vào hồi 14 giờ 00 ngày 11 tháng 01 năm 2025

Người phản biện 1:.....
2:.....
3:.....

Bạn đọc có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Đại học quốc gia TP. HCM.
- Thư viện Trường Đại học KHXH & NV, TP. HCM.
- Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN**

1. Tran, T. A., & Nguyen, T. N. (2024a). Desarrollo de la seguridad social: un estudio de caso en la provincia de Dong Nai, Vietnam. *Interacción Y Perspectiva*, 14(3), ISSN / eISSN 2244-808X, 812-829.

<https://doi.org/10.5281/zenodo.11181772>

2. Tuan Anh, T. . (2024b). Ho Chi Minh's View on Social Security and its meaning for Vietnam. *Social Sciences Journal*, 1(1), ISSN: e-ISSN: 3026-7293, 36–42.

<https://journal.pdphi.com/index.php/SSJ/article/view/16>

3. Anh, T. T. (2024c). Identifying the factors affecting social welfare in Dong Nai Province, Vietnam today. *Kajian Pendidikan, Seni, Budaya, Sosial Dan Lingkungan*, 1(2), e-ISSN 3047-4124, 96–103.

<https://doi.org/10.58881/kpsbsl.v1i2.13>

4. Tuan Anh, T. (2024d). Relationship Between Social Security and Socio-Economic Development of Residents in The Resettlement Area of the Long Thanh International Airport Project. ISBN 978-604-479-446-2. HCMC: USSH - Social Sciences and Humanities 2023.

5. Tuan Anh, T. (2024e). Developing green tourism: Solutions for environmental protection and job creation for workers in Dong Nai province. *Proceedings of the International Conference Sustainable Tourism Development: Identity, Resources International Experiences and Solutions for Vietnam) (Volume 2)*, 338–359. Hà Nội: Lao Động. ISBN: 978-604-4992-72-3. <https://s.net.vn/1CnZ>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế phát triển không chỉ mang lại thu nhập và việc làm cho người dân mà còn tạo ra cơ hội cho họ tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở và các phúc lợi xã hội khác. An sinh xã hội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và hỗ trợ những người yếu thế, tạo điều kiện cho mọi người có thể tham gia vào cuộc sống xã hội một cách bình đẳng và công bằng hơn. Do đó thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và sự hạnh phúc của con người. Điều này đã được C.Mác khẳng định: “Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình”¹ và Báo cáo Phát triển con người của Liên Hợp Quốc (1995) đã tập trung vào câu hỏi phát triển sẽ mang lại ý nghĩa gì nếu không quan tâm vấn đề đời sống của con người? Mục đích phát triển kinh tế xét cho đến cùng chỉ là phương tiện để phục vụ phát triển con người², chính bản thân con người tạo dựng điều kiện, và cũng chính họ nắm bắt những cơ hội và biến thành nguồn động lực để hiện thực hóa mục tiêu phát triển của mình, đến lượt nó sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trong quá trình nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của một quốc gia, việc chỉ tập trung vào các chỉ số tăng trưởng kinh tế thuần túy đã bộc lộ những hạn chế đáng kể. Thay vào đó, cần thiết phải xây dựng một khung phân tích toàn diện, trong đó không chỉ xem xét các chỉ số định lượng về kinh tế mà còn phải tích hợp các biến số định tính liên quan đến chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng của người dân, và các chỉ số phát triển con người. Cách tiếp cận đa chiều này sẽ cung cấp bức tranh tổng thể và chân thực hơn về trình độ phát triển thực sự của một quốc gia. Chính sách an sinh xã hội không chỉ làm phát triển kinh tế mà còn giúp đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội và điều kiện để tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển của xã hội.

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong gần bốn thập kỷ qua đã minh chứng cho sự thành công của một chiến lược phát triển toàn diện và đồng bộ. Sự thành công này được thể hiện qua ba trụ cột chính: *Thứ nhất*, việc kiến tạo và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những đột phá về cơ chế, chính sách. *Thứ hai*, tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc dân chủ và sự tham gia tích cực của người dân. *Thứ ba*, quá trình củng cố, đổi mới và nâng cao năng lực của Đảng cùng hệ thống chính trị theo hướng minh bạch, hiệu quả và toàn diện. Song song với ba trụ cột này là chiến lược hội nhập quốc tế chủ động và tích cực. Những thành tựu mang tính bước ngoặt này không chỉ nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới. Với những kết quả đạt được, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định:

¹ Mác, C. & Ăngghen, Ph. (1995a). *Toàn tập*. Tập 2. Hà Nội: Chính trị quốc gia, tr.141.

² UNDP. (1995). *Human Development Report 1995*. New York: Oxford University Press. tr.118.

“Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày hôm nay”³.

Trong bức tranh tổng thể về an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, Đồng Nai nổi lên như một điểm sáng đặc biệt. Đồng Nai đóng vai trò quan trọng như một điểm hội tụ và giao lưu trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội, không chỉ trong nước mà còn với các vùng lân cận và các quốc gia trong khu vực cũng như trên toàn cầu. Do đó, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mang ý nghĩa vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ. Trong sự phát triển đó, việc thực hiện an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội có một vai trò và ý nghĩa rất quan trọng. Quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; xuất phát từ đặc điểm điều kiện cụ thể và từ mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Nai đã tích cực triển khai công tác thực hiện an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đó là những vấn đề được quan tâm thực hiện về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, giáo dục đào tạo và dạy nghề, chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; về trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; về hỗ trợ người có hoàn cảnh đặc thù về nhà ở; về đảm bảo điện sinh hoạt, nước sạch cho người dân nông thôn; về đảm bảo về môi trường; nhận dạy nghề miễn phí cho thanh niên; nhận chăm sóc, phụng dưỡng người neo đơn; tổ chức các suất cơm, cháo từ thiện; làm đường giao thông nông thôn, xây dựng trường học, trung tâm văn hóa, y tế phục vụ nhu cầu thiết thực của nhân dân,...

Tuy nhiên, việc thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của Đồng Nai hiện, như: phát triển kinh tế chưa thực sự bền vững; chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, tỷ lệ thất nghiệp cao; lợi ích mà phát triển kinh tế mang lại chưa được phân bổ đều giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, hiệu quả giảm nghèo thiếu bền vững; sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng nhanh; đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn dưới mức tiềm năng, đặc biệt là đối với người lao động ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp là đối tượng thu nhập thấp, dễ bị tổn thương, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, Tình trạng trốn đóng, nợ đọng, chậm đóng bảo hiểm vẫn xảy ra thường xuyên ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước... Đánh giá những hạn chế này, Đảng ủy Đồng Nai đã thẳng thắn chỉ ra:

“Kinh tế tăng trưởng cao nhưng chưa thật sự bền vững”⁴; “... còn thiếu bác sĩ có trình độ chuyên môn cao để phát triển những kỹ thuật chuyên sâu. Khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng trên địa bàn của tỉnh có xu hướng dẫn ra. Kết quả thực hiện chính sách

³ Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật, tr.25)

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Đồng Nai. (2020). *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)*. Đồng Nai: Biên Hoà, tr.51.

bảo hiểm có mặt chưa đạt yêu cầu, nhất là chưa khắc phục tình trạng nợ bảo hiểm ở một số doanh nghiệp còn kéo dài, bỏ trốn gây hậu quả nghiêm trọng”⁵.

Những thách thức và vấn đề được đề cập và phân tích đã dẫn đến những tác động đáng kể đến thực hiện và phát huy hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về mối quan hệ này, nhằm đề xuất những giải pháp phù hợp, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương.

Từ những luận cứ nêu trên, việc triển khai nghiên cứu đề tài “*Mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay*” không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong việc làm rõ các khía cạnh của mối quan hệ này, mà còn có giá trị thực tiễn quan trọng trong việc hoạch định chính sách an sinh xã hội và chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Mối liên hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam nói chung, và đặc biệt là ở tỉnh Đồng Nai, đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu và các tổ chức chính trị - xã hội trên toàn thế giới, với nhiều góc nhìn khác nhau. Dưới đây là một tổng quan về các nghiên cứu liên quan đến vấn đề này:

Hướng thứ nhất: Nhóm công trình nghiên cứu lý luận chung về an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội

Một là, các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội. Liên quan đến chủ đề này, trước hết cuốn sách “The welfare state in transition: Reforming the Swesh model”⁶ được biên tập bởi Richard B. Freeman, Robert Topel và Birgitta Swedenborg và xuất bản tại Đại học Chicago Press. Cuốn sách này tổng hợp những đánh giá về tình trạng và xu hướng thay đổi mô hình an sinh xã hội ở Thụy Điển với các chính sách trụ cột về bảo hiểm xã hội, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, lao động và các khoản thuế. Các tác giả đồng thuận với việc xem xét mô hình an sinh xã hội của Thụy Điển là phù hợp với thực tế kinh tế toàn cầu, nhấn mạnh yếu tố cần có đặc trưng riêng và có hướng cải cách phù hợp theo nguyên tắc bình đẳng trong phân phối, đặt con người vào vị trí trung tâm trong các dịch vụ công cộng và bảo vệ xã hội.

Cuốn sách “Transformations of the Swedish welfare state: Social engineering, governance and governmentality: An introduction”⁷ của Bengt Larsson, Martin Letell và Håkan Thörn giới thiệu về sự phát triển của chính quyền, quản lý và quyền lực trong các chính sách xã hội của Thụy Điển. Đội ngũ tác giả bàn về một số thành tựu đáng kể của hệ thống an sinh xã hội của Thụy Điển, bao gồm việc bảo vệ đối với người lao động, cải thiện điều kiện sống cho người già

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Đồng Nai. (2020). *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)*. Đồng Nai: Biên Hoà, tr.54.

⁶ Freeman, R. B., Topel, R. H., & Swedenborg, B. (Eds.). (2008). *The welfare state in transition: Reforming the Swedish model*. University of Chicago Press.

⁷ Larsson, B., Letell, M., & Thörn, H. (2012). *Transformations of the Swedish welfare state: Social engineering, governance and governmentality: An introduction*, 3-22. Palgrave Macmillan UK.

và người tàn tật, và chăm sóc trẻ em và gia đình. Nội dung cuốn sách cũng phân tích các chiến lược của chính phủ Thụy Điển để phát triển các chương trình an sinh xã hội, bao gồm việc tập trung vào khả năng tự chăm sóc và khả năng tự trị, và đặt mục tiêu giảm bớt sự phụ thuộc vào các dịch vụ của nhà nước. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến những thách thức mà an sinh xã hội của Thụy Điển đang phải đối mặt, bao gồm sự thay đổi về dân số và cơ cấu ngành công nghiệp, sự thay đổi về các giá trị xã hội, và áp lực tài chính.

“The Nordic Theory of Everything” của Anu Partanen là một cuốn sách cung cấp một cái nhìn sâu sắc vào hệ thống an sinh xã hội của các nước khu vực Bắc Âu, bao gồm cả Thụy Điển. Tác giả là một phóng viên người Phần Lan đã sống tại Mỹ, và bằng cách so sánh giữa Mỹ và các nước Bắc Âu với bốn mối quan hệ then chốt là bố mẹ và con cái, đàn ông và phụ nữ, người lao động và người sử dụng lao động, chính phủ và người dân, từ đó tác giả giải thích vì sao hệ thống an sinh xã hội của các nước này được coi là tốt nhất thế giới⁸.

Cuốn sách “Mechanisms of Immigration Control: A Comparative Analysis of European Regulation Policies”⁹ có nhiều chương với những nội dung nói về các chính sách nhập cư và quản lý nhập cư của châu Âu, đặc biệt chương “Closing the Doors to the Swedish Welfare State” của tác giả Tove Hammar đã tập trung vào các chính sách nhập cư và quản lý nhập cư của Thụy Điển, và nhấn mạnh rằng chính sách này đã trở nên khắt khe hơn trong những năm gần đây. Tác giả bàn về các biện pháp mà chính phủ Thụy Điển đã áp đặt để giới hạn quy mô và phạm vi của các chính sách an sinh xã hội đối với người nhập cư, bao gồm cả các biện pháp về giáo dục, bảo hiểm y tế, phụ nữ và trẻ em. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, mặc dù các chính sách này đã giúp giảm chi phí cho chính phủ và giảm áp lực cho các dịch vụ an sinh xã hội, nhưng chúng đã gây ra những hậu quả tiêu cực đối với người nhập cư, bao gồm sự cô lập, giảm thu nhập và tình trạng sức khỏe kém.

Ở Việt Nam, về chủ đề này với các công trình, cuốn sách “Hệ thống an sinh xã hội của EU và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”¹⁰ của Đinh Công Tuấn, xuất bản năm 2008, đã cung cấp những khái niệm, tiêu chuẩn và quy trình thiết lập hệ thống an sinh xã hội, đánh giá hiệu quả của các chính sách xã hội, và đưa ra các giải pháp hữu ích cho Việt Nam để nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ quyền lợi của người dân. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và phát triển hệ thống an sinh xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Cuốn sách “Chính sách an sinh xã hội - Thực trạng và giải pháp” của Lê Quốc Lý (2014)¹¹, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, đã phân tích an sinh xã hội ở Việt Nam, và tác giả đưa ra một số vấn đề chính trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, bao gồm vấn đề chất lượng dịch vụ, thiếu hụt về nguồn lực và kinh phí, sự phân tán và không đồng bộ trong việc triển khai các chính sách, cũng như sự thiếu hụt thông tin và tư vấn cho người dân. Đồng

⁸ Partanen, A. (2017). *The Nordic theory of everything: In search of a better life*. Prelude Books.

⁹ Hammar, T. (2020). Closing the doors to the Swedish welfare state. *Mechanisms of immigration control: A comparative analysis of European regulation policies*, 169-201. Routledge.

¹⁰ Đinh Công Tuấn (chủ biên). (2013). *Hệ thống an sinh xã hội của một số nước EU giai đoạn khủng hoảng tài chính – kinh tế toàn cầu*. Hà Nội: Chính trị quốc gia – Sự thật.

¹¹ Lê Quốc Lý. (2014). *Chính sách an sinh xã hội - Thực trạng và giải pháp*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự thật.

thời, tài liệu đề xuất một số giải pháp để cải thiện hiệu quả của hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, bao gồm nâng cao ý thức của người dân về chính sách an sinh xã hội, tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý và tổ chức trong việc triển khai các chính sách, đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan và tổ chức, tăng cường giám sát và đánh giá hiệu quả của các chính sách, và nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề của cán bộ quản lý và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Cuốn sách “Giải quyết an sinh xã hội của Thái Lan, Malayxia, Philippin và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”¹² của Nguyễn Duy Dũng (2015), Nxb. Khoa học xã hội, tác giả đánh giá kinh tế và xã hội của các quốc gia Đông Nam Á, cũng như những thách thức và cơ hội trong việc phát triển hệ thống an sinh xã hội. Qua đó, đưa ra các chính sách và giải pháp đã được các nước áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội, đồng thời đánh giá hiệu quả và hạn chế của từng giải pháp đó.

Ngoài ra, có nhiều bài báo, báo cáo về nội dung an sinh xã hội của Việt Nam được đăng tải trên các tạp chí, như: Hệ thống chính sách an sinh ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng phát triển của Nguyễn Hữu Dũng (2010)¹³, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia*; “Chính sách xóa đói giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, Số 11/2019, các trang 67-74; “Tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở Thái Lan - Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, Số 03/2020, tr.75-79; “Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, Số 4/2020, các trang 89-96; “Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”, *Tạp chí Nhân lực khoa học Xã hội*, Số 06 (73)/2019, các trang 42-51 của Nguyễn Minh Trí, *Tạp chí Xã hội học số 2* (118); “Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân” của Nguyễn Trọng Đàm (2016)¹⁴, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22-7-2016.

Các công trình của các nhà nghiên cứu của quốc tế và Việt Nam đã tập trung vào mô hình an sinh xã hội được thực hiện ở một số quốc gia trên thế giới. Các học giả đã phân tích cấu trúc, chức năng, vai trò và những giải pháp thực thi của chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, những nghiên cứu này thường đánh giá tác động của các chính sách này đối với chất lượng cuộc sống của người dân, cũng như vai trò của chúng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội.

Hai là, các công trình nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội. Trên thế giới, có nhiều nhà nghiên cứu về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, quốc gia hoặc một địa phương với những đặc thù, có thể khái lược một số nội dung như sau:

¹² Nguyễn Duy Dũng. (2015). *Giải quyết an sinh xã hội của Thái Lan, Malaixia, Philippin và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học xã hội.

¹³ Nguyễn Hữu Dũng. (2010). Hệ thống chính sách an sinh ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng phát triển. *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia, Kinh tế và Kinh doanh*, số 26. Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội.

¹⁴ Nguyễn Trọng Đàm. (22/07/2016). Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân. *Tạp chí Cộng sản điện tử*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/39964/bao-%C4%91am-quyen-%C4%91uoc-an-sinh-xa-hoi-cho-nguoi-dan.aspx>.

Cuốn sách “China’s geography: globalization and the dynamics of political, economic, and social change”¹⁵ được xuất bản bởi Kluwer Academic Publishers với nội dung tập trung vào phân tích địa lý của Trung Quốc và tầm quan trọng của vấn đề này trong quá trình toàn cầu hóa và sự thay đổi chính trị, kinh tế và xã hội của Trung Quốc. Tài liệu này đưa ra các quan điểm và phân tích về địa lý Trung Quốc, bao gồm cả địa hình, khí hậu, tài nguyên và dân số. Đồng thời, tập thể các tác giả cũng đề cập đến tầm quan trọng của các yếu tố địa lý này đối với sự phát triển kinh tế và chính trị của Trung Quốc, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa. Từ đó cho thấy mối liên hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc, phát triển kinh tế, đô thị hóa và các thách thức trong việc đảm bảo sự cân bằng giữa sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Liên quan đến vấn đề này còn có các bài viết như: Bài báo “Social Conflict, Economic Development and Extractive Industry: Evidence from South America” (Hatzold, M.E., 2013) được đăng trên tạp chí *Community Development Journal* của tác giả Max-Emanuel Hatzold (Một giảng viên tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Tổng hợp Duisburg-Essen ở Đức với nhiều nghiên cứu về tài nguyên và phát triển bền vững ở các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là về các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên và tác động của chúng đến cộng đồng địa phương); Bài báo “*Economic Development as Opportunity Equalization*”¹⁶ của John E. Roemer (một nhà kinh tế học và triết gia chính trị người Mỹ, giáo sư Kinh tế và Khoa học Chính trị tại Đại học Yale và nổi tiếng với các nghiên cứu về lý thuyết phân phối xã hội, kinh tế học chính trị và phát triển kinh tế) được đăng tải trên Tạp chí *The World Bank Economic Review*...

Về chủ đề này, ở Việt Nam có các công trình như: Sách tham khảo “Vấn đề thực hiện chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” của Dương Thị Thục Anh (2015)¹⁷, Nxb. Thông tin và truyền thông. Cuốn sách không chỉ cung cấp những kiến thức về mặt lý luận, mà còn có những phân tích, luận giải những thực trạng, những vấn đề đang cần giải quyết và đề xuất một số giải pháp nâng cao việc thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Cuốn sách “Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ năm 2001 đến nay - lý luận và thực tiễn” của Nguyễn Văn Hậu (2012)¹⁸, Nxb. Chính trị Quốc gia. Tác giả phân tích quá trình phát triển kinh tế quốc dân dựa trên cốt lõi là tăng trưởng kinh tế với sự tác động đa chiều, có tính năng động ở cả cấp độ trung và dài. Tác giả phân tích những tiêu chí về mức sống của người dân và các chính sách xây dựng nguồn nhân lực. Đồng thời, tác giả chỉ rõ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam chính là đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế để giảm thiểu những tụt hậu về kinh tế, “đi tắt đón đầu” về khoa học và công nghệ so với các quốc gia khác. Bởi lẽ, phát triển kinh tế bền vững chính là điều kiện vật chất quan trọng bậc nhất để hoàn thành các mục tiêu phát triển xã

¹⁵ Veeck, G., Pannell, C. W., Huang, Y., & Smith, C. J. (2007). *China's geography: globalization and the dynamics of political, economic, and social change*. Kluwer Academic Publishers.

¹⁶ Roemer, J. E. (2014). Economic Development as Opportunity Equalization. *The World Bank Economic Review*, 28(2), 189-209. <https://doi.org/10.1093/wber/lht023>.

¹⁷ Dương Thị Thục Anh. (2015). *Vấn đề thực hiện chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Hà Nội: Thông tin và truyền thông.

¹⁸ Nguyễn Văn Hậu. (2012). *Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ năm 2001 đến nay - lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

hội (tạo việc làm, tăng mức thu nhập của dân cư, xóa đói, giảm nghèo bền vững, thúc đẩy giáo dục – đào tạo, chăm sóc y tế, phát triển văn hóa... nhằm hướng tới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Luận án “Quá trình phát triển kinh tế - xã hội Đài Loan (1949 -1996)” của tác giả Phùng Thị Huệ (2000)¹⁹. Với hệ thống tài liệu phong phú về quốc gia này, tác giả đã khái quát những đặc trưng cơ bản của quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế của Đài Loan trong giai đoạn 1949 đến 1996. Qua đó, luận án phân tích những chính sách xã hội và giải pháp đồng bộ của đất nước này trong phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ ra những thành công, hạn chế của Đài Loan và rút ra những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội.

Các nhà nghiên cứu đã tập trung vào việc phân tích và đánh giá các chiến lược và chính sách được áp dụng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Các nghiên cứu này thường xem xét tầm quan trọng của việc kết hợp giữa các biện pháp kinh tế và các biện pháp xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững và công bằng.

Hướng thứ hai: Nhóm công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Một là, những công trình nghiên cứu trên thế giới. Cuốn sách “The price of inequality: How today's divided society endangers our future”²⁰ của Joseph E. Stiglitz chủ yếu tập trung vào nghiên cứu về bất bình đẳng xã hội và tác động của nó đến tương lai của xã hội. Tác giả cho rằng bất bình đẳng kinh tế gây ra sự mất cân bằng trong xã hội và làm suy yếu tiềm năng phát triển của nền kinh tế. Stiglitz cho rằng việc giảm bớt bất bình đẳng là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Cuốn sách này cũng đưa ra các đề xuất và giải pháp nhằm giảm bớt bất bình đẳng xã hội và tăng cường tính công bằng trong xã hội. Những vấn đề mà Stiglitz đề cập cũng là những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt trong quá trình phát triển. Việc giảm bớt bất bình đẳng được xem như một trong những yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở Việt Nam.

Cuốn sách “The Great Escape: Health, Wealth, and the Origins of Inequality”²¹ của Angus Deaton, xuất bản bởi Princeton University Press, đã tập trung giải thích nguyên nhân và hệ quả của sự chênh lệch giàu nghèo trên thế giới. Ông đưa ra những bằng chứng về tình trạng kém phân phối tài sản, thu nhập và sức khỏe trên toàn cầu, và phân tích các yếu tố gây ra sự chênh lệch này. Deaton cũng đưa ra những lời khuyên chính sách để giảm thiểu sự chênh lệch và cải thiện sức khỏe và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. Cuốn sách cũng tập trung vào các vấn đề liên quan đến sức khỏe, bao gồm sự chênh lệch trong tuổi thọ, các bệnh truyền nhiễm và các thách thức về sức khỏe đối với người nghèo. Những vấn đề mà Deaton chỉ ra cũng tồn tại

¹⁹ Phùng Thị Huệ. (2000). Luận án Quá trình phát triển kinh tế - xã hội Đài Loan (1949 -1996). Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

²⁰ Stiglitz, J. E. (2012). *The price of inequality: How today's divided society endangers our future*. WW Norton & Company.

²¹ Deaton, A. (2013). *The Great Escape: Health, Wealth, and the Origins of Inequality*. Princeton University Press.

ở Việt Nam, đặc biệt là sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền. Những gợi ý chính sách mà tác giả đề xuất nhằm giảm bất bình đẳng và cải thiện sức khỏe cũng như phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển có ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam.

Cuốn sách “Economics Rules: The Rights and Wrongs of the Dismal Science”²² của tác giả Dani Rodrik tập trung vào việc đánh giá các quy tắc và nguyên tắc kinh tế hiện đại. “Dismal science” (được hiểu là “khoa học đáng buồn” hoặc “khoa học u ám”) là một cụm từ tiêu cực được sử dụng để chỉ nền kinh tế học. được đặt ra vào thế kỷ 19 bởi nhà kinh tế Thomas Carlyle, nhằm chỉ trích các nhà kinh tế của thời đó vì họ cho rằng những người nghèo khó và đói nghèo không thể được giúp đỡ bởi các biện pháp kinh tế. Rodrik cho rằng, kinh tế học có thể đóng góp quan trọng cho việc hoạch định chính sách, tuy nhiên, các vấn đề xã hội còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố phi kinh tế, đòi hỏi phải xem xét dưới góc độ đạo đức và chính trị. Tác giả tập trung vào việc giải thích những điều mà kinh tế học có thể làm tốt, cũng như những điều mà kinh tế học không thể làm được, bàn luận về cách mà kinh tế học đã và đang ảnh hưởng đến thế giới, cũng như đưa ra các khuyến nghị về cách thức áp dụng và sử dụng các nguyên tắc kinh tế hiện đại cùng với các vấn đề về những hạn chế của kinh tế học trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, đặc biệt là những vấn đề đòi hỏi sự phán xét đạo đức và chính trị, như phân phối thu nhập và công bằng xã hội. Những nhận định này gợi mở cho nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam về sự cần thiết phải kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong chiến lược phát triển đất nước.

Cuốn sách “The age of sustainable development”²³ của Jeffrey D. Sachs bởi Nxb. Columbia University Press được xem như một tài liệu kinh điển về phát triển bền vững cung cấp những kiến thức quan trọng về bản chất và định hướng của phát triển bền vững. Ông tập trung vào những thách thức đang đối diện với thế giới hiện nay như sự bất bình đẳng kinh tế, biến đổi khí hậu, đói nghèo, và những vấn đề liên quan đến năng lượng, môi trường và chính trị. Tài liệu này cũng đưa ra những gợi ý và giải pháp để thúc đẩy sự phát triển bền vững, bao gồm các chính sách quốc gia và toàn cầu. Sachs khẳng định rằng, để đạt được một thế giới bền vững, con người cần thay đổi tư duy và cách tiếp cận, bao gồm cả chính sách, công nghệ, tài chính, cộng đồng và giáo dục. Cuốn sách này là một tài liệu quan trọng không chỉ đối với những người quan tâm đến phát triển bền vững, mà còn đối với những người đang tham gia hoặc quản lý các dự án liên quan đến phát triển bền vững. Ngoài ra, tác giả này còn biên soạn nhiều cuốn sách nổi tiếng như “The End of Poverty: Economic Possibilities for Our Time” (2005), mà trong đó ông trình bày các giải pháp để loại bỏ nghèo đói trên toàn cầu, và sách “Common Wealth: Economics for a Crowded Planet” (2008), trong đó tác giả đã đề xuất một kế hoạch tương lai cho một nền kinh tế bền vững nhưng phải dựa vào phát triển xã hội, chăm lo cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi công dân. Những vấn đề mà Sachs đề cập cũng chính là những thách thức trong sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Chính phủ Việt Nam cần tham khảo kinh

²² Rodrik, D. (2015). *Economics rules: The rights and wrongs of the dismal science*. WW Norton & Company.

²³ Sachs, J. D. (2015). *The age of sustainable development*. Columbia University Press.

nghiệm quốc tế, đồng thời đưa ra chính sách đột phá, sáng tạo để vừa đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hai là, những nghiên cứu ở Việt Nam. Liên quan đến chủ đề này còn có cuốn sách “An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020”²⁴ của Vũ Văn Phúc được xuất bản năm 2012 bởi Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật. Tác giả tập trung phân tích về tình hình an sinh xã hội ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp, chính sách hướng tới năm 2020 để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Công trình “Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay”²⁵ của Vũ Thị Vinh, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014. Nội dung cuốn sách nêu rõ rằng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã có những bước đột phá đáng kể, đồng thời giảm nghèo cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của đất nước. Tác giả cũng chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần, còn điều kiện đủ để giảm nghèo chính là công bằng xã hội, an sinh cho người dân. Bên cạnh những đóng góp to lớn của tăng trưởng kinh tế, Việt Nam cần phải đổi mới và giải quyết những hạn chế, thiếu sót để thực hiện đồng thời hai mục tiêu quan trọng: phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với đảm bảo bền vững cho tương lai. Đồng thời, sự tác động biện chứng cho thấy giảm nghèo là nhân tố tiên quyết bảo đảm cho sự phát triển trong mọi lĩnh vực của kinh tế, xã hội. Mọi sự chênh lệch đều tiềm ẩn những nhân tố bất ổn cho xã hội với những hậu quả tiêu cực khó lường.

“Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội - một công cụ quan trọng nhằm thực hiện công bằng xã hội ở nước ta”²⁶ của Phạm Thị Ngọc Trâm (2009) trên *Tạp chí Triết học*, số 12 (223). Tác giả đưa ra khái niệm về công bằng xã hội trên cơ sở sự ngang bằng nhau giữa người và người theo “nguyên tắc phân phối lợi ích” (xét cả phương diện vật chất và tinh thần) và đưa ra những luận giải về mối quan hệ giữa công bằng xã hội, bình đẳng xã hội, từ đó làm rõ những vấn đề về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Đồng thời, với những luận cứ đó, tác giả phân tích rõ những tác động đến kinh tế và xã hội của thực hiện an sinh xã hội cũng như cấu trúc, chương trình, chức năng, nhiệm vụ, thể chế, nguyên tắc cơ bản của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.

Tóm lại, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam đã đề cập đến cả lý thuyết và thực tiễn, giúp chúng ta hiểu được quan hệ này một cách khá đầy đủ. Tuy nhiên, các công trình này chưa tập trung vào việc trình bày và lý giải một cách hệ thống về mối quan hệ này. Điều này tạo ra những thách thức mà nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục phát triển và làm rõ trong luận án.

Hướng thứ ba: Nhóm công trình nghiên cứu mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Trước hết, công trình “Biên Hòa – Đồng Nai: 300 năm hình thành và phát triển”, còn có tác phẩm “30 năm xây dựng và phát triển kinh tế - Tỉnh Đồng Nai (1975-2005)”, được xuất bản

²⁴ Vũ Văn Phúc. (2012). *An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020*. Hà Nội: Chính trị quốc gia – Sự thật.

²⁵ Vũ Thị Vinh. (2014). *Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Chính trị quốc gia - Sự thật.

²⁶ Phạm Thị Ngọc Trâm. (2009). *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội - một công cụ quan trọng nhằm thực hiện công bằng xã hội ở nước ta*. *Tạp chí Triết học*, số 12(223).

bởi Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, năm 2006. Công trình này đã tổng hợp và đánh giá những thành tựu đáng kể trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội có ý nghĩa lịch sử của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Đồng Nai trong quá trình xây dựng và phát triển từ năm 1975 đến 2005. Tiếp theo, công trình “Đình công của công nhân: Thực trạng và giải pháp xử lý ở tỉnh Đồng Nai”²⁷ của Lưu Văn Sùng và Nguyễn Văn Long, xuất bản bởi Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia vào năm 2007, đã phân tích tình hình thực tế và đề xuất các giải pháp xử lý vấn đề đình công ở tỉnh Đồng Nai. Từ những phân tích này, tác giả hy vọng rút ra được bài học kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu tình trạng đình công, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội trong tương lai.

Liên quan đến chủ đề này còn có công trình “Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội (phân tích thực tiễn ở tỉnh Đồng Nai)”²⁸ của tập thể các tác giả Phạm Văn Sáng, Ngô Quang Minh, Bùi Văn Hiên, Nguyễn Anh Dũng, Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009, các tác giả đề cập đến khái niệm và lý thuyết về an sinh xã hội, cũng như các mô hình và phương pháp đo lường an sinh xã hội. Cuốn sách cũng đi sâu vào phân tích tình hình an sinh xã hội ở tỉnh Đồng Nai, đánh giá những vấn đề và thách thức trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.

Ngoài những công trình đã nêu, các Văn kiện của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là tại các kỳ Đại hội lần thứ VI đến lần thứ XII, đã thực hiện việc phân tích và đánh giá một cách tổng quát và sâu sắc về kết quả và thành tựu, cũng như các vấn đề tồn tại, nguyên nhân hạn chế trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và mối quan hệ giữa an sinh xã hội ở tỉnh Đồng Nai. Các Văn kiện này đã đề xuất những nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay và trong tương lai. Điều này nhằm mục đích đảm bảo sự phát triển bền vững và toàn diện của tỉnh Đồng Nai trong các giai đoạn tiếp theo. Cùng với đó, Đảng bộ, Ủy ban Nhân dân và các ban ngành tỉnh cũng đã ban hành những văn bản thực thi để thực hiện an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Hàng năm, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai đều xuất bản các Niên giám thống kê, nhằm cung cấp số liệu thống kê cơ bản để phản ánh việc thực hiện an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội. Những tài liệu này giúp chúng ta hiểu rõ hơn vai trò của giáo dục và đào tạo trong tổng thể thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Ngoài ra, có rất nhiều bài viết về thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai được đăng tải trên các báo mạng, cũng như các cổng thông tin điện tử của các sở, ban ngành của tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, các luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ cũng đã được viết về các đề tài như nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ ở tỉnh Đồng Nai, đóng góp vào việc nghiên cứu và hiểu sâu hơn về quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai.

²⁷ Lưu Văn Sùng & Nguyễn Văn Long. (2007). *Đình công của công nhân: Thực trạng và giải pháp xử lý ở tỉnh Đồng Nai*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

²⁸ Phạm Văn Sáng, Ngô Quang Minh, Bùi Văn Hiên & Nguyễn Anh Dũng. (2009). *Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội (phân tích thực tiễn ở tỉnh Đồng Nai)*. Hà Nội: Chính trị quốc gia – Sự thật.

Tóm lại, ở hướng nghiên cứu này, các nhà khoa học với các công trình của mình, trong khi nghiên cứu vào việc phân tích mối liên hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố địa lý, văn hóa ở tỉnh Đồng Nai. Các nghiên cứu này thường nhấn mạnh vai trò của vị trí địa lý, đặc điểm văn hóa và xã hội địa phương trong quá trình phát triển của tỉnh; những thành tựu, hạn chế đối với thực hiện an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, cũng như giải quyết mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay. Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai, nhưng đa số chưa tập trung và toàn diện trong việc khai thác vấn đề này trong giai đoạn hiện nay dưới góc độ Triết học. Song những công trình trên là nguồn tài liệu quý giá để nghiên cứu sinh kế thừa, phát triển trong luận án của mình một cách có tính chuyên sâu và hệ thống hơn nhằm đánh giá thực trạng, và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện tốt mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

Mục đích của luận án: Luận án tập trung nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, luận án khảo cứu, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội và đề xuất những phương hướng cơ bản và các giải pháp chủ yếu phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Nhiệm vụ của luận án: Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung vào các nhiệm vụ: *Thứ nhất*, trình bày và phân tích khái niệm và đặc điểm của an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội và mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội trong ở Việt Nam hiện nay; *Thứ hai*, luận giải các yếu tố tác động và phân tích thực trạng mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay; *Thứ ba*, đề xuất những phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án:* Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận án:*

+ Về nội dung: Mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội có phạm vi rất rộng, với nhiều cách tiếp cận khác nhau, nên trong khuôn khổ mục đích và nhiệm vụ được đặt ra, luận án chỉ tập trung nghiên cứu trên hai phương diện: *Thứ nhất*, tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội; *Thứ hai*, tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến an sinh xã hội ở Việt Nam nói chung, và ở tỉnh Đồng Nai nói riêng.

+ Về không gian: Vấn đề nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Về thời gian: Hiện nay. Trong khi thực hiện luận án, nhằm tăng cường luận cứ cho việc nghiên cứu, Nghiên cứu sinh mở rộng thời gian khảo cứu để so sánh, đối chiếu với kết quả hiện

nay, giai đoạn 2001 đến nay được chọn vì đánh dấu sự phát triển có tính hệ thống và toàn diện của các chính sách an sinh xã hội dưới một khuôn khổ thống nhất, mặc dù các yếu tố cấu thành của hệ thống này đã tồn tại từ trước đó, đồng thời là mốc thời gian thuật ngữ “an sinh xã hội” được chính thức đưa vào sử dụng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam và đây là thời điểm an sinh xã hội được xác định như một hệ thống chính sách đồng bộ, thể hiện qua việc ban hành Chiến lược An sinh xã hội 2001-2010. Tuy nhiên, luận án vẫn xem xét các chính sách tiền thân trước đó với tư cách tiền đề, bối cảnh lịch sử, nhằm đảm bảo tính hệ thống và toàn diện. Việc giới hạn phạm vi thời gian nghiên cứu của luận án từ 2001 giúp đề tài có trọng tâm, sâu sắc, đồng bộ.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Cơ sở lý luận: Luận án được thực hiện trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu tiếp cận vấn đề từ góc độ triết học xã hội, đảm bảo tính khoa học và toàn diện trong việc phân tích mối quan hệ này.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án được triển khai trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật với các nguyên tắc cơ bản bao gồm tính khách quan, tính toàn diện và phương pháp tiếp cận lịch sử - cụ thể, đồng thời được thực hiện thông qua sự vận dụng đồng bộ các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên biệt như phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp khái quát hóa, phương pháp cụ thể hóa và trừu tượng hóa, phương pháp thống nhất giữa lịch sử và lôgic, phương pháp đối chiếu và so sánh, phương pháp quy nạp và diễn dịch, phương pháp điều tra xã hội học, và phương pháp phân tích định lượng với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS, nhằm đảm bảo được tính khoa học, tính hệ thống và độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu được trình bày trong toàn bộ luận án.

6. Đóng góp mới của luận án

Một là, luận án đã hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn những vấn đề về khái niệm và đặc điểm của an sinh xã hội, phát triển kinh tế-xã hội và mối quan hệ biện chứng giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, trên cơ sở khảo cứu thực tiễn, luận án đã phân tích, đánh giá khách quan thực trạng mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai, cũng như thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Đồng Nai trong việc thực hiện các chính sách liên quan.

Ba là, luận án đề xuất những phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

7. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận án

Về ý nghĩa khoa học: Luận án góp phần hệ thống hóa lý luận về khái niệm và đặc điểm của an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, và mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này. Đồng thời, luận án khảo sát cụ thể, đánh giá khách quan về thực trạng thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai; đề xuất các phương hướng cơ bản và giải

pháp chủ yếu để phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Về ý nghĩa thực tiễn: Từ những vấn đề lý luận và khảo sát thực tiễn, phân tích về thực trạng ở tỉnh Đồng Nai, luận án đề xuất những phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy sự gắn kết giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho Đảng bộ và chính quyền tỉnh Đồng Nai trong việc xây dựng chính sách, chương trình hành động, đảm bảo hiệu quả phát triển bền vững cho địa phương.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài danh mục các biểu đồ, bản đồ, bảng tổng hợp số liệu, danh mục từ viết tắt, bảng chú thích thuật ngữ, phụ lục kết quả điều tra xã hội học, phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung luận án gồm 03 chương 06 tiết.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ AN SINH XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của an sinh xã hội

* **Khái niệm an sinh xã hội:** An sinh xã hội là một hệ thống chính sách, pháp luật, chương trình và hoạt động do nhà nước, các tổ chức xã hội và sự tham gia của cộng đồng thực hiện thông qua phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, tạo điều kiện để mọi người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm kiểm soát những rủi ro do những nguyên nhân khác nhau, đảm bảo mức sống tối thiểu, không để tình trạng họ rơi vào cảnh bần cùng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

* **Đặc điểm của an sinh xã hội:** Thứ nhất, tính xã hội hóa; Thứ hai, tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc; Thứ ba, tính điều hòa lợi ích xã hội.

* **Chức năng của an sinh xã hội:** Bao gồm ít nhất ba yếu tố cơ bản tương ứng với ba chức năng chính sau đây: Chức năng phòng ngừa rủi ro; Chức năng giảm thiểu rủi ro; Chức năng khắc phục rủi ro.

* **Cấu trúc của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam:** Bao gồm các bộ phận Chính sách giải quyết việc làm; Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn; Chính sách xóa đói giảm nghèo; Chính sách bảo trợ xã hội; Chính sách tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của phát triển kinh tế - xã hội

* **Phát triển kinh tế** là sự gia tăng thêm giá trị vật chất, dịch vụ và quy mô sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội và đảm bảo chất lượng cuộc sống dựa trên đo lường về tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và có sự thay đổi cơ cấu kinh tế hợp lý của nền kinh tế quốc dân.

* ***Phát triển xã hội*** là quá trình phát triển về số lượng và chất lượng các nguồn lực, trên cơ sở phát triển tự do và bình đẳng về quyền và cơ hội của mỗi cá nhân, nhằm nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người, giải quyết đúng đắn, hợp lý những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực xã hội.

* ***Phát triển kinh tế - xã hội*** là sự đi lên của nền kinh tế và xã hội trên nền tảng vật chất là tăng trưởng kinh tế nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi con người trong xã hội, là sự thay đổi về lượng và chất nhằm hoàn thiện những yếu tố về kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia.

1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1.2.1. Tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Một là, an sinh xã hội góp phần phát triển nguồn nhân lực, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, an sinh xã hội góp phần bảo đảm quyền cơ bản của con người - chủ thể của phát triển phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, an sinh xã hội góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội phát sinh từ quá trình phát triển kinh tế thị trường, hướng tới bảo đảm công bằng xã hội.

1.2.2. Tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến an sinh xã hội ở Việt Nam

Một là, phát triển kinh tế - xã hội là công cụ, lực lượng vật chất thực hiện an sinh xã hội.

Hai là, phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện cơ bản cho người dân thực hiện quyền an sinh xã hội.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội bền vững góp phần tăng thu nhập của người lao động, điều kiện bảo đảm an sinh xã hội.

Kết luận chương 1

Trong bối cảnh toàn cầu hóa của Việt Nam hiện nay, an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội được xem là hai yếu tố có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển đất nước. Việc nghiên cứu và làm rõ mối quan hệ này không chỉ giúp Việt Nam theo kịp xu thế phát triển của các quốc gia tiên tiến, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong giai đoạn hiện nay.

An sinh xã hội được hiểu là một hệ thống tổng thể các chính sách và chương trình của nhà nước, được thực hiện thông qua việc phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo. Hệ thống này bao gồm bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Về phát triển kinh tế - xã hội, đây là sự đi lên toàn diện của nền kinh tế và xã hội, được xây dựng trên nền tảng tăng trưởng kinh tế bền vững. Sự phát triển này cần đảm bảo duy trì trong thời gian dài với quy mô và hiệu quả cao, đồng thời phải chú trọng đến việc phát triển toàn diện

con người thông qua giáo dục và đào tạo, cũng như gắn kết chặt chẽ với công tác bảo vệ môi trường sinh thái.

Mối quan hệ giữa hai yếu tố này thể hiện rõ qua sự tác động qua lại. An sinh xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền cơ bản của con người và thúc đẩy công bằng xã hội. Ngược lại, phát triển kinh tế - xã hội tạo nền tảng vật chất vững chắc, tạo điều kiện để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nâng cao thu nhập cho người dân. Đối với Việt Nam, việc thực hiện tốt mối quan hệ này có ý nghĩa chiến lược trong việc phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

CHƯƠNG 2

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

2.1.1. Tác động của đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

An sinh xã hội luôn là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam từ khi giành độc lập đến nay. Sau đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội. Điển hình như tại ở tỉnh Đồng Nai, nhiều chính sách an sinh đã được triển khai tích cực, từ giải quyết việc làm, giảm nghèo đến chăm lo người có công và đào tạo nghề. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội vẫn còn một số hạn chế như: thiếu tính đồng bộ và liên kết giữa các chương trình, chưa phù hợp với thực tiễn địa phương, và còn tình trạng lạm dụng trong một số lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo và bảo hiểm y tế. Điều này cho thấy cần có những giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và cơ chế chính sách trong lĩnh vực an sinh xã hội.

2.1.2. Tác động của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập quốc tế

Trong gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó việc đảm bảo an sinh xã hội song hành với phát triển kinh tế là ưu tiên hàng đầu. An sinh xã hội được xem là nền tảng để bảo đảm quyền lợi người lao động và thúc đẩy công bằng xã hội. Ở tỉnh Đồng Nai, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế - xã hội như: tăng trưởng công nghiệp trên 9%, hoàn thành mục tiêu nông thôn mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống 2.4%, và nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế lên 90.7%. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng tạo ra những thách thức như sự phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường và các vấn đề xã hội mới, đòi hỏi cần có những giải pháp toàn diện để đảm bảo phát triển bền vững.

2.1.3. Tác động của khoa học và công nghệ

Trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo những bước tiến vượt bậc trong khoa học công nghệ, được Đảng xác định là quốc sách hàng đầu và động lực then chốt cho phát triển. Ở tỉnh Đồng Nai, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu trong ứng dụng khoa học công nghệ như: triển khai 139 đề tài cấp tỉnh, nâng tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng quy trình quản lý chất lượng lên 84.9%, đăng ký bảo hộ 30 sáng chế, và đầu tư hơn 854.3 tỷ đồng cho phát triển khoa học công nghệ. Điều này góp phần nâng cao chỉ số HDI của tỉnh lên 0.753 (đứng thứ 8 toàn quốc). Tuy nhiên, sự phát triển công nghệ cũng tạo áp lực về nhu cầu nâng cao trình độ lao động, đặt ra thách thức trong việc giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

2.1.4. Tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tôn giáo, dân tộc

Đồng Nai là tỉnh có vị trí địa lý chiến lược tại vùng Đông Nam Bộ, với hệ thống giao thông đa dạng bao gồm quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt, cảng Thị Vải và sân bay Long Thành đang xây dựng. Tỉnh có khí hậu nhiệt đới thuận lợi, nguồn tài nguyên phong phú và hệ thống thủy văn đa dạng. Dân số tỉnh năm 2021 đạt khoảng 3,169.1 nghìn người, với lực lượng lao động 1,756.95 nghìn người. Về kinh tế, Đồng Nai duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định qua các giai đoạn, với GRDP tăng từ 15,257 tỷ đồng (2001) lên 366,171 tỷ đồng (2020). Tuy nhiên, tỉnh cũng đối mặt với thách thức trong việc thực hiện an sinh xã hội do địa bàn rộng, dân số đa dạng và có nhiều khu công nghiệp với số lượng lớn lao động nhập cư.

Tôn giáo và dân tộc tại tỉnh Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội và phát triển bền vững của địa phương. Về mặt tôn giáo, tỉnh có 1,795 cơ sở tôn giáo thuộc 25 tổ chức được công nhận, với 2,284 chức sắc, 28,911 chức việc và 2,291,390 tín đồ (chiếm trên 70% dân số). Các tổ chức tôn giáo đóng góp tích cực thông qua hoạt động từ thiện, giáo dục, y tế và dạy nghề, góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội nhà nước. Về dân tộc, Đồng Nai là nơi cư trú của 51 dân tộc, bao gồm dân tộc Kinh và 4 dân tộc bản địa (Choro, Mạ, S'tiêng, K'Ho) cùng 46 dân tộc thiểu số khác. Sự đa dạng này tạo nên bản sắc văn hóa phong phú nhưng cũng đặt ra thách thức về bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ công và cơ hội phát triển. Sự kết hợp giữa quản lý hiệu quả của chính quyền và sự tham gia tích cực của các tổ chức tôn giáo, cộng đồng dân tộc đã tạo nên mạng lưới an sinh xã hội đa dạng, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và đoàn kết xã hội tại địa phương.

2.2. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

2.2.1. Thực trạng sự tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

*** Thành tựu của sự tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay**

- Thứ nhất, an sinh xã hội góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- *Thứ hai*, an sinh xã hội góp phần bảo đảm quyền cơ bản của con người - chủ thể của phát triển kinh tế - xã hội.

- *Thứ ba*, an sinh xã hội góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội phát sinh từ quá trình phát triển kinh tế thị trường, hướng tới bảo đảm công bằng xã hội.

*** Hạn chế của sự tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai**

Tỉnh Đồng Nai đang đối mặt với ba thách thức chính trong mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội:

- *Thứ nhất*, phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm hiệu quả mối quan hệ tác động giữa an sinh xã hội và phát triển.

- *Thứ hai*, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa tương xứng với trình độ phát triển kinh tế, làm hạn chế tác động qua lại giữa hai lĩnh vực.

- *Thứ ba*, còn tồn tại những yếu tố gây mất ổn định chính trị xã hội, hạn chế tác động của an sinh xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc giữ vững an ninh quốc phòng.

2.2.2. Thực trạng sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến an sinh xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

*** Thành tựu của sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến an sinh xã hội ở tỉnh Đồng Nai**

- *Một là*, phát triển kinh tế - xã hội là công cụ, lực lượng vật chất thực hiện an sinh xã hội.

- *Hai là*, phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện cơ bản cho người dân thực hiện quyền an sinh xã hội.

- *Ba là*, phát triển kinh tế - xã hội bền vững góp phần tăng thu nhập của người lao động, điều kiện bảo đảm an sinh xã hội.

*** Hạn chế của sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến an sinh xã hội ở tỉnh Đồng Nai**

- *Thứ nhất*, mô hình phát triển kinh tế - xã hội chưa tạo được cơ chế tác động mạnh mẽ và bền vững đến an sinh xã hội.

- *Thứ hai*, việc chuyển hóa thành quả phát triển kinh tế - xã hội thành các chương trình an sinh xã hội còn nhiều hạn chế.

- *Thứ ba*, sự phát triển kinh tế chưa tạo được tác động bền vững đến cải thiện thu nhập và điều kiện an sinh cho mọi nhóm dân cư.

2.2.3. Nguyên nhân thực trạng mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Sở dĩ đạt được những thành tựu trên là do:

* *Về nguyên nhân khách quan*. Quá trình hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đồng Nai trong việc tiếp thu các mô hình kinh tế hiện đại và chính sách an sinh xã hội tiên tiến. Số lượng dự án FDI tại tỉnh tăng từ 1.234 tỷ USD (2018) lên 1.375 tỷ USD (2023), tạo nhiều việc làm và nguồn lực phát triển. Đến tháng 3/2023, tỉnh đã có 2,357 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ

với 1,012 văn bằng được cấp, thể hiện sự phát triển về công nghệ và đổi mới sáng tạo. Những thành tựu này đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân Đồng Nai.

** Về nguyên nhân chủ quan.* Thành công trong thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai có được nhờ sự nhất quán trong chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự năng động của Đảng bộ tỉnh. Quan điểm xuyên suốt là đặt con người làm trung tâm, coi an sinh xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển. Điều này được thể hiện qua việc mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng cao mức hỗ trợ và tăng cường nguồn lực cho các lĩnh vực xã hội. Sự đoàn kết và phối hợp hiệu quả giữa Đảng bộ, chính quyền và các ban ngành đã giúp triển khai đồng bộ các chính sách, đặc biệt là trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Nguyên nhân của những hạn chế:

** Về nguyên nhân khách quan.* Việc thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai gặp nhiều thách thức do một số cấp ủy Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức ở tỉnh Đồng Nai chưa quán triệt một cách sâu sắc và toàn diện các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về tầm quan trọng của việc phát huy mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế. Đồng thời, ảnh hưởng của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Khủng hoảng kinh tế và đại dịch Covid-19 đã khiến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạo áp lực lớn về thất nghiệp và an sinh xã hội. Riêng đợt dịch Covid-19 lần 4 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến Đồng Nai - một trong năm tỉnh thành có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước. Thêm vào đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ tạo ra thách thức mới về quản lý xã hội, trong khi nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội còn hạn chế, chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

** Về nguyên nhân chủ quan.* Thứ nhất, Đảng bộ và chính quyền tỉnh chưa nhận thức đầy đủ về mối quan hệ này, dẫn đến việc triển khai chính sách thiếu đồng bộ và hiệu quả, trong khi năng lực quản lý, điều hành của một số cấp còn hạn chế. Thứ hai, công tác truyền thông, phổ biến chính sách và hoạt động giám sát chưa được triển khai toàn diện, cùng với đó là nguồn lực tài chính còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước, chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Những hạn chế này đã tạo ra rào cản đáng kể trong việc thực hiện mục tiêu phát triển hài hòa giữa kinh tế và an sinh xã hội tại địa phương.

Kết luận chương 2

Mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố đan xen: chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình hội nhập quốc tế, tiến bộ khoa học-công nghệ, và điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, tôn giáo, dân tộc tại địa phương. Về thành tựu, sự tương tác giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế đã tạo động lực tích cực: an sinh xã hội góp phần phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm quyền con người và ổn định chính trị; ngược lại, phát triển kinh tế tạo nguồn lực vật chất và điều kiện hoàn thiện chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên,

tỉnh vẫn còn đối mặt với những hạn chế: chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chất lượng nguồn nhân lực thấp, công tác giảm nghèo thiếu bền vững, nguồn lực thực hiện an sinh xã hội phụ thuộc ngân sách. *Nguyên nhân khách quan* bao gồm tác động của khủng hoảng kinh tế và đại dịch Covid-19. *Nguyên nhân chủ quan* là nhận thức chưa đầy đủ về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế, công tác truyền thông và quản lý nguồn lực còn yếu kém.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN PHÁT HUY HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

3.1.1. Quán triệt sâu sắc, toàn diện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Quan điểm về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội đã được Đảng khẳng định xuyên suốt qua các thời kỳ, từ Cương lĩnh xây dựng đất nước (1991) đến các Đại hội XI, XII và XIII. Đặc biệt, Nghị quyết số 15-NQ/TW đã xác định bốn trụ cột chính của an sinh xã hội, bao gồm: việc làm và giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, và bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản. Quan điểm này không chỉ là nền tảng lý luận mà còn là phương thức thực tiễn nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ từ mọi thành phần trong cấu trúc xã hội. Để thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Đồng Nai cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, sự thiết lập và vận hành của hệ thống an sinh xã hội song hành với quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững được xác định như một yếu tố then chốt trong việc đảm bảo an sinh xã hội toàn diện và nâng cao phúc lợi cho người dân.

Hai là, việc nâng cao phúc lợi và an sinh xã hội được đặt trong tâm điểm của các chính sách phát triển, song hành với cam kết đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của người dân.

Ba là, phát triển kinh tế cần phải lấy phúc lợi cho người dân làm mục tiêu.

Bốn là, phát triển kinh tế đòi hỏi sự hài hòa và tích hợp giữa các mục tiêu an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

3.1.2. Đảm bảo phát huy hiệu quả sự gắn kết giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện, gắn kết giữa hệ thống an sinh xã hội với chiến lược phát triển

địa phương. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và hậu Covid-19, việc thực hiện tốt mối quan hệ này đòi hỏi triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, cụ thể là:

Một là, ưu tiên chiến lược hàng đầu nhằm củng cố nguồn lực vật chất cho hệ thống an sinh xã hội chính là việc tái cấu trúc nền kinh tế đồng bộ với cơ cấu lao động, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng và tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Hai là, tỉnh cần tiếp tục thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

Ba là, quan tâm công tác gia đình; thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống xâm hại trẻ em, tệ nạn xã hội; tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

Bốn là, quản lý chặt chẽ hoạt động của các cơ sở y tế.

Năm là, chú trọng chương trình truyền thông về phòng, chống các dịch bệnh gắn với chủ động, tích cực và nâng cao khả năng phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, nhất là thời điểm của đại dịch Covid-19.

Sáu là, quan tâm đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân lao động, các công trình cấp nước sạch phục vụ dân sinh và các thiết chế văn hóa phục vụ người lao động.

3.1.3. Thực hiện đồng bộ giải pháp phù hợp với đặc thù của địa phương trong việc phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai cần dựa trên đặc điểm địa phương, đặc biệt là cần chú trọng:

Một là, cần thiết lập một quỹ phúc lợi xã hội dành cho công nhân.

Hai là, quan tâm xây dựng mô hình nhà trẻ giành cho con em công nhân.

Ba là, nâng cao nhận thức về pháp luật cho công nhân nhập cư.

Bốn là, quan tâm đến không gian sống của đối tượng công nhân nhập cư.

Ngoài đặc điểm là tỉnh công nghiệp phát triển, Đồng Nai còn có đặc thù về đa dạng dân tộc với nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác, xen kẽ với người Kinh tại vùng sâu, vùng xa cùng với sự đa dạng của đồng bào các tôn giáo cộng cư. Do điều kiện hạ tầng khó khăn và hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình, đời sống còn nhiều thách thức. Vì vậy, việc thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai cần có những chính sách đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và xây dựng thể trận an ninh nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng.

3.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA AN SINH XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY

Để phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai, luận án đề xuất các nhóm giải pháp sau:

3.2.1. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những mục tiêu quan trọng của ở tỉnh Đồng Nai.

Thứ hai, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và gắn kết chặt chẽ chính sách an sinh xã hội, ở tỉnh Đồng Nai cần tăng cường cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

Thứ ba, chú trọng công tác tuyên truyền về an sinh xã hội thông qua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Thứ tư, trong công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về chính sách an sinh xã hội, tỉnh cần chỉ đạo, cấp kinh phí cho đài phát thanh và truyền hình Đồng Nai tăng thời lượng phát sóng về cuộc sống của người lao động trong tỉnh, đặc biệt là thời lượng cho việc giải đáp thắc mắc về luật lao động và tranh chấp lao động.

3.2.2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đóng vai trò then chốt trong thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống này thông qua sự tham gia của các bên liên quan từ chính quyền đến cộng đồng dân cư, cụ thể là:

Một là, ở tỉnh Đồng Nai cần điều chỉnh chính sách phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hai là, Đồng Nai cần xây dựng một khung an sinh xã hội linh hoạt, phản ánh xu hướng của cộng đồng quốc tế.

Ba là, cải cách chính sách tiền lương cần được thực hiện theo hướng điều chỉnh sự biến động của giá cả lao động trên thị trường, phản ánh đúng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, cần hoàn thiện thể chế an sinh xã hội trong kỷ nguyên số, nhằm xây dựng một mạng lưới an sinh đa dạng, phong phú, phù hợp với thực tiễn và tiêu chuẩn quốc tế.

3.2.3. Phát triển nguồn nhân lực phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Để tiếp tục thực hiện tốt mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh cần tập trung vào các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như quản lý, công nghệ và chăm sóc con người:

Thứ nhất, tăng cường nhận thức của mọi tầng lớp, ngành nghề và lao động về phát triển nguồn nhân lực là một nhiệm vụ cấp bách.

Thứ hai, ở tỉnh Đồng Nai cần tập trung đặc biệt vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua công tác đào tạo.

Thứ ba, chính quyền tỉnh Đồng Nai cần thực hiện vai trò quan trọng là cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo, nhằm hiểu rõ hơn về nhu cầu về lao động, ngành nghề đào tạo, kiến thức và kỹ năng mà doanh nghiệp đang cần.

3.2.4. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của bộ máy, đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội trong việc phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay

Việc kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là giải pháp quan trọng để thực hiện tốt mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, trong đó tập trung:

Thứ nhất, các cơ quan chức năng cần hiểu rõ và nhận thức đúng về nội dung của các chính sách.

Thứ hai, tập huấn kỹ năng và trau dồi đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ triển khai chính sách an sinh xã hội ở Trung ương và địa phương.

Thứ ba, xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giải quyết mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay thường xuyên và lâu dài.

Thứ tư, việc hoàn thiện hệ thống tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội ở cấp Trung ương và địa phương là một nhiệm vụ cấp bách và không thể trì hoãn.

Thứ năm, ở tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tổ chức, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay nhằm xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống.

Để nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ an sinh xã hội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, ở tỉnh Đồng Nai cần tập trung vào việc cải thiện năng lực và hiệu quả quản lý của bộ máy và đội ngũ cán bộ:

Một là, ở tỉnh Đồng Nai cần thiết lập chính sách để thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động và triển khai tổ chức, theo hướng định rõ trong Quyết định Số 794/QĐ-TTg, ngày 3-6-2020, của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Hai là, Đồng Nai cần tăng cường hoàn thiện thể chế an sinh xã hội trong thời đại số bằng cách xây dựng một mạng lưới an sinh xã hội đa dạng và phong phú, phản ánh thực tiễn và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

Ba là, từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phát triển hạ tầng số các ngành, lĩnh vực thiết yếu một cách đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý nhà nước.

Bốn là, tích cực áp dụng công nghệ mới trong việc quản trị xã hội, sử dụng hệ thống quan trắc xã hội, sinh trắc, và căn cước công dân kỹ thuật số; cũng như tối ưu hóa việc chi trả,

đóng (nộp) và thụ hưởng thông qua sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, mạng lưới internet và các phần mềm quản lý dữ liệu và chia sẻ dữ liệu.

Kết luận chương 3

Đồng Nai giữ vị thế chiến lược trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với hệ thống giao thông đa dạng. Địa hình Tỉnh với đồng bằng màu mỡ và hệ thống sông ngòi tạo điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và du lịch sinh thái. Để phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế-xã hội, Tỉnh cần xác định ba phương hướng trọng tâm, đó là: (1) Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về mối quan hệ này; (2) Đảm bảo sự gắn kết thông qua xây dựng chính sách bền vững, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (3) Thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương có nhiều khu công nghiệp và lao động nhập cư. Bốn nhóm giải pháp được đề xuất, bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế thông qua tuyên truyền và đào tạo; (2) Hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo hiểm, việc làm và giảm nghèo bền vững; (3) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0; (4) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ an sinh xã hội bằng ứng dụng công nghệ số. Các giải pháp cần được triển khai đồng bộ, có lộ trình và giám sát minh bạch.

PHẦN KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, kết hợp với việc phân tích, tổng hợp và đối chiếu các dữ liệu định tính và định lượng về mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai hiện nay, luận án đã đi đến những kết sau đây:

1. Về mặt lý luận, mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội mang tính biện chứng, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Về bản chất, mối quan hệ này phản ánh triết lý phát triển lấy con người làm trung tâm, trong đó con người vừa là chủ thể sáng tạo vừa là đối tượng thụ hưởng. Sự thống nhất thể hiện ở mục tiêu chung nâng cao chất lượng cuộc sống, trong khi mâu thuẫn nảy sinh khi đầu tư an sinh có thể làm giảm nguồn lực kinh tế trong ngắn hạn. An sinh xã hội tạo môi trường ổn định, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm thiểu rủi ro, trong khi phát triển kinh tế cung cấp nền tảng vật chất để thực hiện chính sách an sinh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh trở thành yêu cầu tất yếu nhằm hướng tới sự phát triển bền vững và toàn diện.

2. Về thực tiễn, mối quan hệ giữa an sinh xã hội với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai chịu tác động đa chiều từ các yếu tố như chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiến bộ khoa học - công nghệ; và điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tôn giáo, dân tộc. Các yếu tố này tương tác chặt chẽ, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với sự phát triển bền vững của tỉnh. Nhờ thực hiện đồng bộ các chính sách, Đồng Nai đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: tăng trưởng GDP ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, thu nhập bình quân đầu người tăng, an sinh xã hội được bảo đảm, tỷ lệ hộ

nghèo giảm và hệ thống y tế, giáo dục được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, tỉnh vẫn đối mặt với nhiều thách thức như thiếu hụt lao động chất lượng cao, bất cập trong thực hiện chính sách an sinh, bất ổn xã hội tại các khu công nghiệp, khoảng cách giàu nghèo gia tăng và áp lực hạ tầng do gia tăng dân số và nhập cư cùng với phân bổ các nguồn vốn cho các chính sách, phụ thuộc lớn vào nguồn vốn đầu tư.

3. Về giải pháp, nhằm khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đồng Nai định hướng xây dựng mô hình phát triển toàn diện và bền vững. Trọng tâm của mô hình này là sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, đặc biệt chú trọng đến bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Đồng thời, tỉnh hướng đến bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng đời sống, đảm bảo an sinh xã hội toàn diện thông qua mở rộng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội và phát triển cơ sở hạ tầng phúc lợi như nhà ở xã hội, trường học, bệnh viện. Để triển khai hiệu quả mô hình này, luận án đề xuất ba phương hướng cơ bản: (i) Quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Đảm bảo thực hiện hài hòa giữa hai lĩnh vực này để phát triển bền vững; (iii) Thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương. Thành công của các phương hướng này phụ thuộc vào sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân, cùng với cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả thường xuyên. Việc huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội đóng vai trò quan trọng để đảm bảo tính khả thi của chiến lược phát triển. Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án đề xuất bốn nhóm giải pháp chủ yếu: (i) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển bền vững; (iii) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội; (iv) Nâng cao năng lực quản lý và chất lượng dịch vụ an sinh. Các giải pháp này cần được thực hiện đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh Đồng Nai, góp phần hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.